

Bản án số: 105/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 8 – 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Trần Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** chị Trần Thị Đ, sinh năm 1990 (đơn yêu cầu vắng mặt).

Số CCCD 089190XXXXXX, ngày cấp //, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. **Bị đơn:** anh Ngô Văn C, sinh năm 1987 (đơn yêu cầu vắng mặt).

Số CCCD 089087XXXXXX, ngày cấp //, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng nơi cư trú: tổ B, ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Đ và anh Ngô Hữu C thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2006, chị Đ và anh C tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cãi, do vợ chồng tính tình không hợp, không thể sống chung được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Đ yêu cầu ly hôn anh C đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Thị Thảo N, sinh ngày 18/10/2008, hiện đang sống chung với anh C. Chị Đ đồng ý giao anh C tiếp tục nuôi con chung; chị Đ không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: chị Đ và anh C chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng; về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Ngô Thị Thảo N, sinh ngày 18/10/2008, hiện đang sống chung với anh C, chị Đ đồng ý giao anh C tiếp tục nuôi con chung, chị Đ không cấp dưỡng cho con nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Hữu C nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh Ngô Hữu C là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Chị Đ và anh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn (được Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang xác nhận từ năm 2006 đến nay chị Đ và anh C chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương) theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận chị Đ và anh C là vợ chồng.

Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Ngô Thị Thảo N, sinh ngày 18/10/2008, hiện đang sống chung với anh C, chị Đ đồng ý giao anh C1 tiếp tục nuôi con chung, anh C không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu N do anh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, đảm bảo cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc tự lập được. Chị Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Anh C phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Đ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh C không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì chị Đ có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: chị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Đ và anh Ngô Hữu C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho Ngô Hữu C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Thảo N, sinh ngày 18/10/2008, đến thành niên hoặc tự lập được. Chị Đ không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0016828 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12-AG;
- THADS khu vực 12- An Giang ;
- UBND xã P, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyền